

Số: 45/BC-THPTTH-GL

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KÌ I

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (số lượng, trình độ, thiếu – thừa)

- Năm học 2025 – 2026: Tổng số CB, GV, NV là 45 người (CBQL: 01 người, GV: 41 người, NV: 03 người).

Ban giám hiệu		Giáo viên		Nhân viên	
Đạt chuẩn Số lượng, Tỷ lệ	Trên chuẩn Số lượng, Tỷ lệ	Đạt chuẩn Số lượng, Tỷ lệ	Trên chuẩn Số lượng, Tỷ lệ	Đạt chuẩn Số lượng, Tỷ lệ	Trên chuẩn Số lượng, Tỷ lệ
	1 (100%)	29 (69,05%)	13 (30,95%)	2 (100%)	0

2. Quy mô lớp học, học sinh (so với đầu năm, so với cùng kỳ năm trước)

*Học kì I năm học 2024 -2025

Khối 10		Khối 11		Khối 12		Tổng số	
Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp
225	5	263	6	191	5	679	16

* Học kì I năm học 2025 – 2026

Khối 10		Khối 11		Khối 12		Tổng số	
Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp
104	3	219	5	265	6	588	14

3. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu (đặc biệt là phòng học bộ môn, CNTT)

- Số phòng học: 14 phòng học được trang bị máy chiếu, máy tính, loa để phục vụ cho công tác giảng dạy trên lớp của giáo viên.
- Nhà trường có phòng học bộ môn Hóa, Sinh, Vật lý, Tin học. Ngoài ra còn có phòng thiết bị đồ dùng và sân tập.
- 01 phòng thư viện; 01 phòng Tư vấn tâm lý

4. Thuận lợi, khó khăn

- Thuận lợi

+ Về đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo.
- Giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Có sự đoàn kết, phối hợp tốt giữa các tổ chuyên môn trong việc triển khai nhiệm vụ dạy học và thực hiện các nội dung chuyên đề kiểm tra.

+ Về học sinh

- Đa số học sinh có ý thức học tập, chấp hành tốt nội quy nhà trường.
- Học sinh ngày càng quen với các hình thức học tập mới, bước đầu có kỹ năng tự học, làm việc nhóm và tham gia các hoạt động trải nghiệm.
- Phụ huynh quan tâm, phối hợp tương đối tốt với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh.

+ Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Nhà trường có phòng học kiên cố, đảm bảo đủ phòng học cho các lớp.
- Trang thiết bị dạy học từng bước được bổ sung; một số phòng học được trang bị máy chiếu, máy tính phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.

- Có kết nối internet, hỗ trợ giáo viên khai thác tài liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và kiểm tra.

- Khó khăn

+ Về đội ngũ

- Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá mới.
- Áp lực công việc lớn, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên thời gian đầu tư cho đổi mới và thực hiện chuyên đề kiểm tra còn hạn chế.

+ Về học sinh

- Trình độ, năng lực học sinh không đồng đều; một bộ phận học sinh còn thụ động, kỹ năng tự học chưa tốt.
- Một số học sinh chưa thực sự nghiêm túc trong học tập, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

+ Về cơ sở vật chất

- Phòng học bộ môn, phòng chức năng còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm và thực hành.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025-2026

I. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

1. Mức độ hoàn thành kế hoạch giáo dục nhà trường;
 - Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 và triển khai đến toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động.
 - Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy cụ thể cho từng bộ môn, có điều chỉnh linh hoạt theo tình hình học sinh.
 - Cập nhật các văn bản chỉ đạo của SGD và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường cho phù hợp.

2. Chất lượng dạy học các môn bắt buộc, lựa chọn, chuyên đề;

- Giảng dạy đầy đủ các nội dung theo yêu cầu cần đạt của bộ môn, đảm bảo chuẩn kiến thức, năng lực, phẩm chất theo chương trình GDPT 2018.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ theo đúng quy định.
- Tăng cường dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo chủ đề, hướng dẫn học sinh tự học, tự tìm tòi và lĩnh hội kiến thức.
- Dạy 2 buổi/ngày phù hợp điều kiện trường lớp, đáp ứng nguyện vọng học sinh.

3. Tỷ lệ hoàn thành chương trình, kết quả học tập.

- Mục tiêu đề ra: Tỷ lệ học sinh hoàn thành đạt 100%.
- Kết quả học tập: Tỷ lệ hoàn thành đạt 100%.

Khối	Tổng số học sinh	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
10	101	21	20,79	77	76,24	3	2,97	0	0
11	218	99	45,41	118	54,13	1	0,64	0	0
12	263	144	54,75	119	45,25	0	0	0	0
Tổng	582	264	45,36	314	53,95	4	0,69	0	0

- Kết quả rèn luyện: Tỷ lệ hoàn thành đạt 100%.

Khối	Tổng số học sinh	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
10	101	92	91,09	9	8,91	0	0	0	0
11	218	201	92,2	17	7,8	0	0	0	0
12	263	260	98,86	3	1,14	0	0	0	0
Tổng	582	264	45,4	314	54	4	0,6	0	0

II. Chuyển đổi số và dữ liệu giáo dục

1. Tỷ lệ giáo viên, học sinh sử dụng LMS, học liệu số;
 - Nhà trường không triển khai dạy học trên LMS.
 - Giáo viên: Thường xuyên chia sẻ các tài liệu bổ ích cho học sinh.
 - Học sinh: Học sinh tích cực tham gia, sử dụng tài nguyên đa dạng video, bài giảng điện tử trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Tình trạng hồ sơ điện tử, sổ điểm, học bạ số;
 - Sử dụng các phần mềm quản lý học bạ, sổ điểm điện tử, cho phép giáo viên nhập điểm, nhận xét trực tuyến và ký số để xác thực.
 - Đã có hướng dẫn và quy trình cho giáo viên sử dụng chữ ký số để ký duyệt học bạ, sổ điểm trên hệ thống ngành.
3. Ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học;
 - Trong quản lý: Sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu như Google Drive, Google Sheet để quản lý tài liệu, giao bài, theo dõi tiến độ, thống kê điểm số, đánh giá học sinh.
 - Trong dạy học:
 - Xây dựng bài giảng: Dùng powerpoint tạo bài giảng sinh động, trực quan với hình ảnh, video, âm thanh.
 - Sử dụng các công cụ tương tác như Quizizz, Blooket, Baamboozle,.. để tạo trò chơi học tập, bài kiểm tra nhanh.
 - Sử dụng bảng tương tác, máy chiếu thông minh để thao tác trực tiếp.
 - Cung cấp kiến thức đa dạng, dễ hình dung và ghi nhớ hơn nhờ đa phương tiện.
4. Vấn đề, hạn chế và nhu cầu.
 - Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá mới.

- Phòng học bộ môn, phòng chức năng còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm và thực hành.

III. Giáo dục mũi nhọn, STEM, nghiên cứu khoa học

1. Hoạt động STEM, NCKH học sinh;
 - Nhà trường chưa triển khai các tiết học STEM trong các môn học.
 - Khuyến khích học sinh tìm hiểu và tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học.
2. Kết quả tham gia các cuộc thi, sân chơi học thuật.
 - Không có.

IV. Ngoại ngữ – hội nhập – giáo dục quốc tế

1. Chất lượng dạy và học ngoại ngữ;
 - Phát triển đội ngũ giáo viên:
 - Đào tạo nâng cao chuyên môn, phân công đi tập huấn cho giáo viên tiếng Anh.
 - Đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường sử dụng CNTT trong dạy học.
 - Khuyến khích học sinh tự học và thi Chứng chỉ Quốc tế.
2. Tỷ lệ học sinh có chứng chỉ quốc tế, tham gia các chương trình hội nhập.
 - Không có.

V. An toàn trường học – sức khỏe – tâm lý học đường

1. Công tác bảo đảm an toàn, phòng chống bạo lực, tai nạn;
 - Môi trường vật chất an toàn: Cơ sở vật chất, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn.
 - Mời các đồng chí công an về trường tuyên truyền về An toàn giao thông.
 - Xây dựng các tiết sinh hoạt về phòng tránh bạo lực học đường.
 - Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tâm lý, giáo dục thể chất.
2. Hoạt động tư vấn tâm lý, giáo dục thể chất.
 - Xây dựng các tiết chuyên đề sinh hoạt về cách ứng xử, các kỹ năng để đối phó với stress, kỹ năng giải quyết vấn đề.

VI. Kết quả các kỳ thi, hội thi

- Không có.

VII. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật;

- Hoàn thành nhiệm vụ học kỳ 1 năm học 2025-2026 với kết quả đáng khích lệ: Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập và rèn luyện đạt Tốt, Khá tăng cao.
- Duy trì ổn định hoạt động dạy và học, kỷ cương nề nếp được tăng cường.
- Công tác hoạt động chuyên môn được chú trọng: dự giờ, hội giảng, kiểm tra hoạt động sư phạm, kiểm tra chuyên đề, đột xuất; công tác khảo thí được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy định.
- Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, tư vấn hướng nghiệp.
- Tổ chức các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn đã tạo ra khí thế thi đua giữa các lớp, góp phần nâng cao chất lượng các mặt giáo dục và đào tạo.

2. Tồn tại, hạn chế;

- Năng lực giáo viên: Năng lực tin học, ngoại ngữ của một số giáo viên còn hạn chế; chưa tiếp cận và vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học mới.
- Cơ cấu đội ngũ: Tình trạng thiếu giáo viên cục bộ, thiếu giáo viên bộ môn mới, cơ cấu chưa cân đối giữa các môn.
- Có một bộ phận học sinh chưa chăm học, không học bài cũ khi đến lớp, kết quả học tập chưa đạt tốt;
- Một số học sinh còn vi phạm nội quy của trường. Tính tự quản của các lớp chưa cao, một số học sinh thiếu tự giác học tập.
- Đội ngũ giáo viên của trường chủ yếu là giáo viên hợp đồng, hàng năm có sự biến động.
- Công tác phối hợp giữa các lực lượng giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội gặp nhiều khó khăn do nhiều gia đình học sinh có bố và mẹ

đều đi làm kinh tế xa, ít có thời gian quan tâm đến việc học tập của con em mình.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Khó khăn trong tuyển dụng giáo viên đạt chuẩn, đặc biệt là các môn học đặc thù.
- Giáo viên trẻ thiếu kinh nghiệm xử lý các tình huống sư phạm, đặc biệt trong việc quản lý học sinh cá biệt.
- Học sinh chưa được hướng dẫn đầy đủ về kỹ năng tự học và quản lý thời gian. Tâm lý học sinh còn ỷ lại, thiếu động lực học tập tự thân.
- Học sinh bị ảnh hưởng từ môi trường xung quanh, đặc biệt là việc sử dụng thiết bị công nghệ thiếu kiểm soát.

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

(Gắn với các mục tiêu Nghị quyết 71 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2026)

- Nhà trường tiếp tục tập trung thực hiện kế hoạch năm học của Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
- Tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ: 8/3, 30/4 – 1/5.
- Xây dựng các kế hoạch ôn tập thi tốt nghiệp cho học sinh khối 12, tổ chức các lớp học tăng cường để học sinh ôn tập kiến thức.
- Thực hiện công tác thi tuyển sinh vào lớp 10 năm 2026-2027 nghiêm túc, hiệu quả.
- Mục tiêu chuyển đổi số mức 3 trong công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường trong năm học 2025-2026.
- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra nội bộ, thường xuyên dự giờ, thăm lớp, kiểm tra hồ sơ giáo viên nhằm kịp thời điều chỉnh những thiếu sót của đồng nghiệp và phát hiện những giáo viên có năng lực tạo nguồn giáo viên cốt cán cho nhà trường; duy trì và phát huy hơn nữa công tác dự giờ, thao giảng, hội giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường ngày càng đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người học và người dạy.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Không có.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

